

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST

Ngày: 11/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Nguyễn Thế Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Võ Thành T, sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp M, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh Y, sinh năm: 1967 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1966; Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ tư.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị tạm giữ từ ngày 09/01/2023 đến ngày 18/01/2023, thay đổi biện pháp

ngăn chặn cấm khỏi nơi cư trú đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Võ Thanh Y, sinh năm 1967, nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1. Lê Ngọc Mai V
2. Khúc Thanh T
3. Nguyễn Thị E

(Tại phiên tòa hôm nay ông Y có mặt; những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và phải chi trả khoản nợ cờ bạc trước sức ép của chủ nợ yêu cầu thanh toán, T có nhiều lần hỏi mượn tiền ông Y nhưng không được ông đồng ý.

Khoảng 07 giờ ngày 08/01/2023, Võ Thành T lợi dụng sự thiếu cảnh giác của ông Y và việc T biết rõ mật khẩu điện thoại do thường xuyên giúp ông Y giao dịch tiền bạc trong làm ăn bằng ứng dụng ngân hàng trên điện thoại. T lấy điện thoại di động Iphone 13 của ông Y để trên bàn Tivi tại nhà thuộc ấp M, xã P, huyện A, tỉnh An Giang, nhập mật khẩu “8888” mở khóa, Trượt tiếp tục vào ứng dụng Sacombank Pay nhập mật khẩu “887966” để mở ứng dụng. T thực hiện giao dịch chuyển số tiền 35.000.000 đồng từ tài khoản số 070067371222 của ông Y sang tài khoản số 070132969947 của T, sau đó T để điện thoại về vị trí cũ.

Cùng ngày ông Y phát hiện sự việc, xác định là T đã thực hiện việc chuyển tiền mà không được sự đồng ý của ông nên trình báo Công an xã P. Ông liên hệ thì T chuyển trả 10.000.000 đồng và cho biết đã dùng 24.000.000 đồng trả nợ, 1.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Ngày 09/01/2023, Công an xã P mời Võ Thành T đến trụ sở làm việc. Tại đây, T đầu thú hành vi phạm tội nêu trên và bị tạm giữ để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 18/01/2023, T bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro max.

Lời khai của người bị hại và người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 18/VKS-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 truy tố bị cáo Võ Thành T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng vừa nêu.

Người bị hại ông Võ Thanh Y trình bày: Ông thống nhất với bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát vừa nêu. Bị cáo là con ruột của ông, từ trước đến nay bị cáo chỉ thú làm ăn, không tham gia tệ nạn xã hội, giúp đỡ gia đình trong việc làm ăn. Bị cáo đứng trước phiên tòa hôm nay là do trong lúc nóng giận việc bị cáo sử dụng tiền mà không có ý kiến của ông nên đã trình báo Công an.

Trong thời gian chờ xét xử, bị cáo đi làm và đã trả lại cho ông số tiền 25 triệu đồng. Ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Võ Thành T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 theo Điều 173, áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 46, 47, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Về biện pháp tư pháp: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 pro max là tài sản cá nhân của bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo không ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì về phần luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến gia đình, đặc biệt là cha bị cáo – ông Võ Thanh Y. Bị cáo có trình độ, hiểu biết pháp luật, bản thân từng tham gia nghĩa vụ quân sự nhưng có hành vi trộm tài sản của cha mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo cơ hội giúp đỡ cha mẹ và sống tử tế làm lại người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo đã khai nhận phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, lời khai các bị hại, người làm chứng, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lấy tài sản mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo thừa nhận do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) của cha ruột - ông Võ Thanh Y với phương thức sử dụng ứng dụng ngân hàng chuyển tiền từ tài khoản của ông Y sang tài khoản của bị cáo như cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát vừa nêu.

Hành vi của bị cáo là cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo ra trước phiên tòa ngày hôm nay là đúng căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi của bị cáo: Tài sản là vốn quý có được thông qua quá trình lao động chính đáng của cá nhân; Hành vi bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cha ruột bị cáo được pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo là một thanh niên khỏe mạnh, có đủ sức lao động để nuôi sống bản thân, tạo ra của cải phục vụ cho sinh hoạt cá nhân nhưng do lười lao động, vương vào tệ nạn xã hội, nợ tiền do cờ bạc dẫn đến không có khả năng chi trả; từ đó, bị cáo thực hiện hành vi trộm tiền của chính cha ruột mình. Hành vi của bị cáo thể hiện việc xem thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả giao nộp lại số tiền 25.000.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bên cạnh đó, bị cáo đầu thú hành vi phạm tội; bị hại ông Võ Thanh Y xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Bị cáo trở về địa phương sau thời gian bị tạm giữ để điều tra, không phạm tội, tích cực lao động khắc phục hậu quả. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên cho bị cáo được hưởng án treo là đúng theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị mất trộm, không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 pro max là tài sản cá nhân của bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Thành T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 46, 47, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Căn cứ Điều 106, 107, Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Thành T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của bị cáo là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Giao bị cáo Võ Thành T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Võ Thành T 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 pro max (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Võ Thành T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/4/2023), bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

(Đã giải thích về án treo)

Nơi nhận:

- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thảo Ngân